

NỘI DUNG ÔN TẬP HK1 NĂM HỌC 2021-2022

(Nội dung chỉ mang tính chất tham khảo)

I) PHẦN TRẮC NGHIỆM:

(Nội dung chỉ mang tính chất tham khảo, kiến thức ôn từ chương I đến chương V)

Các hệ cơ quan trong cơ thể người là

- A. hệ vận động, hệ tiêu hóa
- B. hệ tuần hoàn, hệ hô hấp
- C. hệ bài tiết, hệ thần kinh
- D. hệ vận động, hệ tiêu hóa, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ bài tiết, hệ thần kinh

ANSWER: D

Các cơ quan trong hệ vận động là

- A. tim và hệ mạch
- B. Cơ và xương
- C. mũi, khí quản, phế quản và hai lá phổi
- D. thận, ống dẫn nước tiểu và bóng đái

ANSWER: B

Chức năng của hệ thần kinh là

- A. vận động cơ thể
- B. thực hiện trao đổi khí oxygen và cacbonic giữa cơ thể và môi trường
- C. tiếp nhận và trả lời các kích thích của môi trường, điều hòa hoạt động các cơ quan.
- D. lọc các chất dư thừa, độc hại, góp phần ổn định môi trường trong

ANSWER: C

Các thành phần cấu trúc cơ bản của tế bào gồm

- A. màng sinh chất
- B. màng sinh chất, chất tế bào
- C. màng sinh chất, chất tế bào, nhân
- D. màng sinh chất, nhân

ANSWER: C

Chức năng của nhiễm sắc thể là

- A. nơi tổng hợp prôtêin
- B. tham gia quá trình phân chia tế bào
- C. giúp tế bào thực hiện trao đổi chất
- D. là cấu trúc quy định sự hình thành prôtêin, có vai trò quyết định trong di truyền

ANSWER: D

Tế bào là đơn vị chức năng của cơ thể vì

- A. tế bào tham gia trao đổi chất
- B. tế bào tham gia trao đổi chất, tạo ra năng lượng cho cơ thể hoạt động
- C. sự phân chia của tế bào giúp cơ thể lớn lên
- D. tế bào tham gia trao đổi chất, tạo ra năng lượng cho cơ thể hoạt động, sự phân chia của tế bào giúp cơ thể lớn lên

ANSWER: D

Mô là

- A. tập hợp các tế bào chuyên hóa, có cấu trúc giống nhau
- B. tập hợp các tế bào chuyên hóa, có cấu trúc giống nhau, cùng thực hiện một chức năng nhất định
- C. tập hợp các tế bào chuyên hóa cùng thực hiện một chức năng nhất định
- D. tập hợp các tế bào chuyên hóa

ANSWER: B

Các loại mô chính của cơ thể là

- A. mô biểu bì, mô liên kết, mô cơ, mô thần kinh
- B. mô biểu bì, mô liên kết
- C. mô cơ, mô thần kinh
- D. mô biểu bì, mô cơ, mô thần kinh

ANSWER: A

Mô liên kết có chức năng là

- A. bảo vệ, hấp thụ, tiết
- B. co dãn
- C. nâng đỡ, liên kết các cơ quan

D. tiếp nhận kích thích, xử lý thông tin và điều khiển sự hoạt động các cơ quan trả lời các kích thích của môi trường

ANSWER: C

Chân giò lợn có những loại mô là

A. mô liên kết (mô sụn, mô xương, mô mỡ, mô sợi, mô máu), mô cơ vân, mô thần kinh

B. mô biểu bì(da), mô liên kết (mô sụn, mô xương, mô mỡ, mô sợi, mô máu), mô cơ vân

C. mô liên kết (mô sụn, mô xương, mô mỡ, mô sợi, mô máu), mô thần kinh

D. mô biểu bì(da), mô liên kết (mô sụn, mô xương, mô mỡ, mô sợi, mô máu), mô cơ vân, mô thần kinh

ANSWER: D

Chức năng cơ bản của noron là

A. phản ứng

B. cảm ứng

C. dẫn truyền

D. cảm ứng và dẫn truyền

ANSWER: D

Một cung phản xạ gồm các yếu tố là:

A. cơ quan thụ cảm, cơ quan phản ứng

B. cơ quan thụ cảm, noron hướng tâm, cơ quan phản ứng

C. cơ quan thụ cảm, noron trung gian, cơ quan phản ứng

D. cơ quan thụ cảm, noron hướng tâm, noron trung gian, noron ly tâm, cơ quan phản ứng

ANSWER: D

Phản xạ là

A. phản ứng của cơ thể

B. phản ứng của cơ thể trả lời các kích thích của môi trường thông qua hệ thần kinh

C. phản ứng của cơ thể trả lời các kích thích của môi trường

D. phản ứng của cơ thể thông qua hệ thần kinh

ANSWER: B

Đâu không phải là phản xạ

A. chạm vào lá cây mắc cỡ thì lá khép lại

B. tay chạm vào vật nóng thì rút lại

- C. thấy đèn đỏ thì dừng lại
- D. ho khi hít phải nhiều bụi

ANSWER: A

Bộ xương gồm các phần

- A. xương đầu, xương thân
- B. xương đầu, xương thân và xương chi
- C. xương đầu, xương thân, xương tay và xương chân
- D. xương thân, xương chi

ANSWER: B

Khớp động là

- A. loại khớp không cử động được
- B. những khớp mà cử động của khớp bị hạn chế
- C. khớp cử động dễ dàng nhờ hai đầu xương có sụn đầu khớp nằm trong một bao hoạt dịch
- D. không có câu trả lời đúng

ANSWER: C

Các xương đầu nối với nhau bởi khớp là

- A. khớp bán động
- B. khớp động
- C. không có khớp nối
- D. khớp bất động

ANSWER: D

Bộ xương là

- A. bộ phận nâng đỡ, bảo vệ cơ thể, là nơi bám của các cơ
- B. bộ phận nâng đỡ
- C. bộ phận bảo vệ cơ thể
- D. bộ phận bảo vệ cơ thể, là nơi bám của các cơ

ANSWER: A

Chức năng của khớp bán động

- A. giúp đảm bảo sự hoạt động linh hoạt của tay, chân

- B. giúp cơ thể mềm dẻo
- C. giúp xương tạo thành khoang bảo vệ (khoang ngực), giúp cơ thể mềm dẻo
- D. giúp xương tạo thành khoang bảo vệ (khoang ngực)

ANSWER: C

Xương dài có cấu tạo gồm

- A. màng xương
- B. màng xương, mô xương cứng
- C. mô xương cứng, mô xương xốp
- D. màng xương, mô xương cứng, mô xương xốp

ANSWER: D

Xương gồm các thành phần chính là

- A. cốt giao và muối khoáng
- B. cốt giao
- C. muối khoáng
- D. cốt giao và canxi

ANSWER: A

Xương động vật đun sôi lâu thì vỡ vì

- A. muối khoáng bị phân hủy
- B. xương bị phân hủy
- C. muối khoáng, chất cốt giao bị phân hủy
- D. muối khoáng bị tách rời với chất cốt giao

ANSWER: D

Xương dài ra nhờ

- A. sự phân chia của các tế bào xương
- B. tủy xương
- C. màng xương
- D. sự phân chia của các tế bào lớp sụn tăng trưởng

ANSWER: D

Cơ có tính chất là

- A. co và dẫn
- B. co bóp
- C. kéo xương để cử động
- D. giúp cơ thể vận động

ANSWER: A

Cơ co khi

- A. có kích thích của môi trường
- B. có kích thích của môi trường và chịu ảnh hưởng của hệ thần kinh
- C. chịu ảnh hưởng của hệ thần kinh
- D. hệ thần kinh điều khiển

ANSWER: B

Nguyên nhân của sự mỏi cơ là

- A. Thở mạnh
- B. lao động nặng
- C. do cơ thể không được cung cấp đủ oxygen nên tích tụ acid lactic đầu độc cơ
- D. nghỉ ngơi không đủ

ANSWER: C

Biện pháp chống mỏi cơ

- A. cần được nghỉ ngơi, thở sâu, xoa bóp
- B. cần được nghỉ ngơi
- C. cần thở sâu
- D. cần được xoa bóp

ANSWER: A

Để hệ cơ phát triển cân đối, xương chắc khỏe cần:

- A. có một chế độ dinh dưỡng hợp lí
- B. rèn luyện thân thể và lao động vừa sức
- C. tắm nắng để cơ thể chuyển hóa tiền vitamin D thành vitamin D
- D. có một chế độ dinh dưỡng hợp lí, tắm nắng, rèn luyện thân thể và lao động vừa sức

ANSWER: D

Gặp người bị tai nạn gãy xương, cần thực hiện ngay các thao tác sau:

- A. đưa đến bệnh viện
- B. đặt nạn nhân nằm yên và gọi cấp cứu
- C. vệ sinh vết thương
- D. đặt nạn nhân nằm yên, vệ sinh vết thương, tiến hành sơ cứu, gọi cấp cứu hoặc đưa đến bệnh viện

ANSWER: D

Chọn từ thích hợp sau đây (huyết tương, hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu) để điền vào chỗ trống theo thứ tự: Máu gồm ... và các tế bào máu. Các tế bào máu gồm ..., bạch cầu và

- A. bạch cầu, hồng cầu, tiểu cầu
- B. bạch cầu, huyết tương, tiểu cầu
- C. huyết tương, hồng cầu, tiểu cầu
- D. hồng cầu, huyết tương, tiểu cầu

ANSWER: C

Máu có màu đỏ tươi vì

- A. vì máu mang nhiều oxygen và cacbonic
- B. vì máu mang nhiều cacbonic
- C. vì máu mang nhiều oxygen
- D. vì máu có thành phần sắt

ANSWER: C

Sáng khi tỉnh dậy, nếu hoạt động ngay sẽ bị chóng mặt vì

- A. máu bị mất một lượng nước để tạo nước tiểu nên máu cô đặc khó lưu thông trong mạch làm giảm lượng oxygen cung cấp cho não
- B. cơ thể chưa thích nghi với trạng thái hoạt động
- C. mới cơ sau giấc ngủ
- D. cơ thể chưa thích nghi với trạng thái hoạt động, mới cơ sau giấc ngủ

ANSWER: A

Máu vận chuyển

- A. oxygen và cacbonic
- B. oxygen và cacbonic, các chất dinh dưỡng, các chất cần thiết khác, các chất thải
- C. các chất dinh dưỡng, các chất cần thiết khác, các chất thải

D. oxygen và cacbonic, các chất dinh dưỡng, các chất thải

ANSWER: B

Các bạch cầu tạo nên các hàng rào phòng thủ để bảo vệ cơ thể là:

A. sự thực bào, sự tạo kháng thể và sự phá hủy các tế bào bị nhiễm bệnh

B. sự thực bào

C. sự tạo kháng thể

D. sự phá hủy các tế bào bị nhiễm bệnh.

ANSWER: A

Miễn dịch là

A. khả năng cơ thể chống lại một bệnh nào đó

B. khả năng cơ thể không bị trở nặng khi mắc một bệnh nào đó

C. khả năng có sẵn của cơ thể để không mắc bệnh của động vật truyền sang người

D. khả năng cơ thể không bị mắc một bệnh nào đó

ANSWER: D

Bạch cầu bảo vệ cơ thể bằng cơ chế tạo kháng thể là

A. bạch cầu mônô

B. bạch cầu limphô B

C. bạch cầu limphô T

D. bạch cầu trung tính

ANSWER: B

Bạch cầu thực hiện cơ chế phá hủy tế bào bị nhiễm bệnh là

A. bạch cầu mônô

B. bạch cầu limphô B

C. bạch cầu trung tính

D. bạch cầu limphô T

ANSWER: D

Người ta thường chích ngừa cho trẻ em những loại bệnh là

A. sởi, lao, ho gà

B. bạch cầu, uốn ván, bại liệt

C. sỏi, lao, ho gà, bạch cầu, uốn ván, bại liệt

D. sỏi, lao, uốn ván, bại liệt

ANSWER: C

Trong quá trình đông máu, các tiểu cầu đóng vai trò:

A. bám vào vết rách và bám vào nhau để tạo thành nút tiểu cầu bịt tạm thời vết rách

B. bám vào vết rách và bám vào nhau để tạo thành nút tiểu cầu bịt tạm thời vết rách, giải phóng chất giúp hình thành búi tơ máu để tạo thành khối máu đông

C. giải phóng chất giúp hình thành búi tơ máu để tạo thành khối máu đông

D. vận chuyển chất dinh dưỡng

ANSWER: B

Máu loại A có thể truyền cho người có máu loại:

A. O

B. B

C. A, AB

D. AB, O

ANSWER: C

Vai chủ yếu của tim là

A. co bóp tạo lực đẩy máu đi qua các hệ mạch

B. dẫn máu từ tim tới các tế bào của cơ thể, rồi từ các tế bào về tim

C. lưu chuyển máu trong toàn cơ thể

D. Trao đổi khí với môi trường ngoài

ANSWER: A

Sắp xếp thứ tự máu chảy trong vòng tuần hoàn nhỏ: tâm thất phải (1), động mạch phổi(2), mao mạch phổi(3), tĩnh mạch phổi(4), tâm nhĩ trái(5)

A. (1),(4),(3),(2),(5)

B. (5),(2),(3),(4),(1)

C. (5),(4),(3),(2),(1)

D. (1),(2),(3),(4),(5)

ANSWER: D

Bạch huyết có thành phần gần giống máu, chỉ khác là không có

- A. tiểu cầu
- B. hồng cầu
- C. bạch cầu
- D. huyết tương

ANSWER: B

Thành cơ tim dày nhất là ở

- A. tâm thất trái
- B. tâm thất phải
- C. tâm nhĩ trái
- D. tâm nhĩ phải

ANSWER: A

Thành động mạch gồm

- A. biểu bì, mô liên kết
- B. biểu bì, cơ trơn, mô liên kết
- C. biểu bì, cơ trơn
- D. cơ trơn, mô liên kết, van

ANSWER: B

thời gian của pha thất co và thời gian dẫn của tâm thất là

- A. 0,4s và 0,4s
- B. 0,1s và 0,7s
- C. 0,3s và 0,5s
- D. 0,8s và 0,8s

ANSWER: C

một chu kì co dẫn của tim gồm mấy pha?

- A. 2 pha
- B. 3 pha
- C. 4 pha
- D. 5 pha

ANSWER: B

Các biện pháp bảo vệ tránh các tác nhân có hại cho tim, mạch là

- A. khắc phục và hạn chế các nguyên nhân là tăng nhịp tim và huyết áp
- B. tiêm phòng các bệnh có hại cho tim mạch như thương hàn, bạch hầu...
- C. điều trị kịp thời các chứng bệnh như cúm, thấp khớp...
- D. khắc phục và hạn chế các nguyên nhân là tăng nhịp tim và huyết áp, tiêm phòng các bệnh có hại cho tim mạch như thương hàn, bạch hầu... và điều trị kịp thời các chứng bệnh như cúm, thấp khớp...

ANSWER: D

Sản phẩm chính của quá trình hô hấp là

- A. tinh bột và oxygen
- B. ánh sáng
- C. năng lượng và cacbonic
- D. chất dinh dưỡng

ANSWER: C

Chất không bị biến đổi về mặt hóa học trong quá trình tiêu hóa:

- A. Vitamin
- B. Gluxit
- C. Lipit
- D. Prôtêin

ANSWER: A

Chất bị biến đổi về mặt hóa học trong quá trình tiêu hóa :

- A. Vitamin
- B. Muối khoáng
- C. Nước
- D. Lipit

ANSWER: D

Quá trình nuốt diễn ra nhờ hoạt động chủ yếu của :

- A. Thực quản
- B. Hầu
- C. Lưỡi
- D. Cả 3 câu đều sai

ANSWER: C

Thức ăn được đẩy từ thực quản xuống dạ dày là nhờ :

- A. Lưỡi
- B. Cơ vòng thực quản

- C. Hầu
 - D. Cả ba đều sai
- ANSWER: B

Trong ống tiêu hóa, tuyến tiêu hóa không có ở :

- A. Ruột già
- B. Dạ dày
- C. Khoang miệng
- D. Ruột non

ANSWER: A

Ở dạ dày có các hoạt động tiêu hoá nào ?

- A. Tiết dịch vị hoà loãng thức ăn
- B. Đảo, nghiền bóp thức ăn thấm đều dịch vị
- C. Cắt prôtêin chuỗi dài thành prôtêin chuỗi ngắn
- D. Cả A , B và C

ANSWER: D

Loại thức ăn nào được biến đổi về cả hoá học và lí học ở dạ dày ?

- A. Protein
- B. Gluxit
- C. Lipit
- D. Muối khoáng

ANSWER: A

Cơ cấu tạo thành dạ dày thuộc loại :

- A. Cơ dọc
- B. Cơ vòng
- C. Cơ chéo
- D. Cả 3 loại cơ trên

ANSWER: D

Chất nào dưới đây không phải do dạ dày tiết ra?

- A. HCl
- B. Chất nhầy
- C. Enzim Amilaza
- D. Enzim Pepsin

ANSWER: C

Vì sao không nên ăn mặn?

- A. Không tốt cho sức khỏe
- B. Làm mất cân bằng trong đường tiêu hóa
- C. Làm mất chất nhầy ở dạ dày dẫn đến viêm loét
- D. Các câu trên đều sai

ANSWER: C

Với một khẩu phần bữa ăn đầy đủ các chất và sự tiêu hóa diễn ra có hiệu quả thì thành phần các chất dinh dưỡng sau tiêu hóa ở ruột non là gì?

- A. Đường đôi, đường đơn, axit amin, axit béo.
- B. Đường đơn, axit amin, axit béo và glixêrin, enzym.
- C. Vitamin, đường đơn, axit amin, axit béo và glixêrin.
- D. Cả A, B đều đúng.

ANSWER: C

II) PHẦN TỰ LUẬN: (kiến thức cần ôn tập)

(Nội dung chỉ mang tính chất tham khảo, kiến thức ôn từ chương IV đến chương V)

Câu 1: Hô hấp là gì? Quá trình hô hấp bao gồm những hoạt động nào? Nêu nhận xét về chức năng của đường dẫn khí và 2 lá phổi?

Hô hấp là quá trình không ngừng cung cấp oxi cho các tế bào của cơ thể và loại khí cacbonic do các tế bào thải ra khỏi cơ thể.

Quá trình hô hấp gồm sự thở, trao đổi khí ở phổi và trao đổi khí ở tế bào.

Đường dẫn khí có chức năng: dẫn khí vào và ra; làm ẩm, làm ấm không khí đi vào và bảo vệ phổi.

Phổi là nơi trao đổi khí giữa cơ thể và môi trường ngoài.

Câu 2: Hãy mô tả sự khuếch tán của O_2 và CO_2 ?

Trao đổi khí ở phổi gồm sự khuếch tán của oxi từ không khí ở phế nang vào máu và của cacbonic từ máu vào không khí phế nang. Trao đổi khí ở tế bào gồm sự khuếch tán của oxi từ máu vào tế bào và của cacbonic từ tế bào vào máu.

Câu 3: Viết sơ đồ hô hấp. Sự thở có ý nghĩa gì với hô hấp?

Các chất dinh dưỡng đã được hấp thu (gluxit, lipit, protein) + $O_2 \rightarrow$ năng lượng cho các hoạt động sống của tế bào + $CO_2 + H_2O$

Sự thở giúp thông khí ở phổi, tạo điều kiện cho trao đổi khí diễn ra liên tục ở tế bào.

Câu 4: Thức ăn vào khoang miệng được biến đổi như thế nào ?

* Biến đổi lí học : Nhai. Tiết nước bọt. Đảo trộn thức ăn. Tạo viên thức ăn.

Tác dụng : làm thức ăn mềm, nhuyễn, thấm đẫm nước bọt, giúp tạo viên thức ăn dễ nuốt.

* Biến đổi hóa học : Nhờ hoạt động của enzym amilaza trong tuyến nước bọt .

Tác dụng : làm biến đổi một phần tinh bột (chín) thành đường mantôzơ.

Câu 5: Thức ăn qua thực quản có bị biến đổi gì về mặt lí học và hóa học không ? Vì sao ?

Thức ăn qua thực quản không bị biến đổi gì về mặt lí học và hóa học. Vì thức ăn qua thực quản rất nhanh (chỉ 2 – 4 giây).

Câu 6: Hãy chọn từ và cụm từ thích hợp điền vào (...):

Đường đôi, lipit nhỏ, đường đơn, Axit béo và glixerin, Peptit, Axit amin

